

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 03/2021/HS-ST

Ngày 28-01-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thi Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Búp-nghề nghiệp: Giáo viên

Bà Nguyễn Thị Kiều Hoanh-nghề nghiệp: công chức

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2020/TLST-HS, ngày 25-11-2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HS, ngày 14-01-2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Thị Ngọc G**, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2003, tại huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn V và bà Huỳnh Thị Lệ T; chồng, con: Chưa có; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05/10/2020 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo G là ông Đặng Văn V, sinh năm 1978 (cha đẻ của bị cáo). Có mặt

Trú tại: Thôn A, xã E, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bào chữa cho bị cáo G: Bà Bùi Thị Thuyết Anh – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

*** Người bị hại:**

- Bà **Võ Thị Đ**, sinh năm 1960. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

Trú tại: Tổ dân phố PV, Thị trấn CC, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh **Nguyễn Cao Thái S**, sinh năm 2001. Có mặt

Trú tại: Thôn KT, xã NH, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/9/2020, Nguyễn Thị D, sinh năm: 1988, trú tại TDP PV, thị trấn CC, huyện Q, chở Đặng Thị Ngọc G, sinh năm 2003, trú tại thôn A, xã E, huyện Q đến nhà bà Võ thị Đ (là mẹ ruột của D), sinh năm 1960, trú tại TDP PV, thị trấn CC, huyện Q để phụ giúp D lấy một số đồ về bán. Tại đây, D lên gác để lấy đồ, còn G thì ở bên dưới phòng khách nhà bà Đ đứng đợi D. Lúc này, G nhìn thấy bà Đ đang nằm ngủ trên sàn nhà, bên trong phòng khách có 01 túi xách bằng vải màu trắng kem đặt trên thùng giấy cat tông nên G đến gần để xem thì thấy túi xách đang để hở, bên trong có một bao ni lông màu đen, G dùng tay sờ vào bên trong túi xách và biết được bên trong bao ni lông màu đen có tiền nên nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền bên trong bao ni lông này. Sau đó, G lấy bao nilong màu đen nêu trên ra bọc vào túi quần jean của mình đang mặc rồi đi lên gác phụ giúp D lấy đồ đưa về nhà của D. Khi về đến nhà D thì G đi vào nhà vệ sinh kiểm tra số tiền bên trong bao nilong thấy có 03 cọc tiền, trong đó có 02 cọc tiền với các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 01 cọc tiền bao gồm các tờ tiền có nhiều mệnh giá khác nhau (G không đếm cụ thể số tiền là bao nhiêu), rồi cất tiền vào túi áo khoát của mình và vứt túi ni lông trong nhà vệ sinh, đi ra bên ngoài cùng D bán hàng, được khoảng 15 phút thì G lấy cớ nhà có việc để rời khỏi nhà D. Sau đó, G đi bộ về phòng trọ của mình và lấy số tiền 2.400.000 đồng (từ số tiền G đã chiếm đoạt tại nhà bà Đ) đưa cho A Thị Mỹ L, sinh năm 1998 (ở cùng dãy trọ với G), nhờ L trả tiền phòng trọ là 1.500.000 đồng và cho L mượn số tiền là 900.000 đồng. Tiếp đó, G gọi điện thoại cho Nguyễn Cao Thái S, sinh năm 2001, trú tại thôn KT, xã NH, thành phố Quảng Ngãi bảo S lên thị trấn CC, huyện Q để G đưa tiền cho S mượn. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, S đi cùng với Đinh Ngọc L1, sinh năm 2004, trú tại xã NH, thành phố Quảng Ngãi lên gặp G ở một quán cà phê (không rõ cụ thể tên quán) tại thị trấn CC, huyện Q. Sau đó, G cùng với S và L1 thuê một chiếc xe taxi để cùng nhau xuống chợ Quảng Ngãi, thành phố Quảng Ngãi để G đi mua quần áo. Khi ngồi trên xe taxi, G đưa cho S mượn số tiền là 1.000.000 đồng; đến chợ Quảng Ngãi, G đã mua một số đồ dùng với số tiền là 5.450.000 đồng; sau đó đến tiệm vàng K do ông Trần Long A1, sinh năm 1966, trú tại số 11 Duy Tân, phường Nguyễn Nghiêm, thành phố Quảng Ngãi làm chủ để mua 01 dây đeo tay bằng vàng với số tiền 7.884.000 đồng do chị Nguyễn Thị Thu Vân, sinh năm 1996 là nhân viên của tiệm vàng K trực tiếp bán và thu tiền của G. Tiếp đó, G cùng S và L1 lên taxi để xuống biển Mỹ Khê, thuộc xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi chơi, lúc này G đưa cho S số tiền 500.000 đồng để chi trả tiền ăn uống, tại đây cả nhóm đã ăn uống với số tiền là 700.000 đồng, S đưa cho G số tiền 100.000 đồng, số tiền còn lại thì G tự chi trả. Sau đó, cả ba người tiếp tục lên taxi để về lại quán cà phê ở thị trấn CC, huyện Q để Đinh Ngọc L1 lấy xe máy đi về, còn S và G tiếp tục đi taxi xuống nhà S tại xã NH, thành phố Quảng Ngãi để chơi. Sau khi đến nhà S được khoảng 15 phút thì S sử dụng xe máy chở G ra quán ăn gần nhà S để ăn tối, ngoài ra

S rú Hồ Quang Cường, sinh năm 2002, trú cùng thôn với S đi cùng, còn G cũng rú một người bạn G quen biết qua mạng xã hội facebook (không rõ nhân thân, lai lịch) đến. Quá trình ngồi ăn uống tại quán thì G tiếp tục đưa cho S số tiền 1.500.000 đồng để nhờ S lấy giúp điện thoại G đang sửa. Sau khi ăn uống xong thì S chỉ trả tiền ăn là 225.000 đồng. Sau đó, G nhờ S chở G ra bến xe Quảng Ngãi để mua vé xe đi vào Long An nhằm trốn tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Ngoài ra, G còn sử dụng số tiền đã trộm cắp được tại nhà bà Đ để chi trả tiền xe taxi là 880.000 đồng, mua 01 thẻ cào điện thoại mệnh giá 50.000 đồng và tiêu xài cá nhân vào những mục đích khác mà bị can không nhớ rõ cụ thể dùng vào việc gì với số tiền bao nhiêu.

Sau khi phát hiện mất tài sản vào ngày 16/9/2020, bà Võ Thị Đ đã trình báo đến Công an huyện Q, xác định số tiền bị mất là 72.500.000 đồng. Quá trình điều tra, xác minh, Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã triệu tập, làm việc với Đặng Thị Ngọc G, bị can đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với tài liệu, chứng cứ trên hồ sơ vụ án. Ngoài ra, khi bị phát hiện G đang cất giữ trong ví cầm tay của mình số tiền là 50.120.000 đồng, đây là số tiền mà G đã trộm cắp tại nhà bà Võ Thị Đ vào ngày 16/9/2020 sau khi tiêu xài cá nhân còn lại.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên thực hiện quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo **Đặng Thị Ngọc G** phạm tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c Khoản 02 Điều 173; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 12; Điều 91; Điều 98; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo G từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Về dân sự: Đã giải quyết xong, nên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo G: 01 (một) áo khoát bằng vải, dài tay, màu đen, có mũ; 01 (một) thẻ cào điện thoại mệnh giá 500.000 đồng đã cào phần mã số; 01 (một) vali màu vàng; 01 (một) quần jean dài, màu xám; 01 (một) quần jean dài màu xanh; 02 (hai) quần tây, màu đen; 01 (một) áo sơ mi trắng dài tay; 01 (một) áo sơ mi dài tay, màu đen; 02 (hai) bộ quần áo ngắn tay, quần đùi; 02 (hai) áo thun nữ ngắn tay; 03 (ba) quần lót nam; 01 (một) dây thắt lưng nữ, màu đen.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bao nilong màu đen bị rách, đã qua sử dụng.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 65; Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Thị Ngọc G với mức án thấp nhất, để bị cáo có cơ hội đi học.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng hình sự; kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng gì của điều tra viên, kiểm sát viên. Do đó, trình tự, thủ tục tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đặng Thị Ngọc G khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung vụ án. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và điều khiển hành vi của bị cáo. Nhưng với mục đích cần tiền tiêu xài cá nhân, nên vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/9/2020 bị cáo Đặng Thị Ngọc G đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Võ Thị Đ, trú tại: Tổ dân phố PV, Thị trấn CC, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi, số tiền 72.500.000đ (Bảy mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng). Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đặng Thị Ngọc G phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đặng Thị Ngọc G thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo cùng với gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho bị hại xong và đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; nên cần áp dụng điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo G là nữ giới, khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi (16 tuổi 8 tháng 16 ngày) nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo không quá $\frac{3}{4}$ mức hình phạt quy định đối với người đã thành niên. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội mà áp dụng Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo; giao bị cáo về chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe bị cáo, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[6] Đối với Nguyễn Cao Thái S nhận tiền từ bị cáo G, khi G đưa tiền cho S thì S không biết rõ nguồn gốc tiền do G trộm cắp của người khác mà có được và đồng thời S cũng không tham gia cùng G trộm cắp tài sản tại nhà bà Đ vào ngày 16/9/2020, nên S không đồng phạm với bị cáo G về hành vi trộm cắp tài sản.

[7] Đối với Đinh Ngọc L1 và Hồ Quang Cường là những người đi cùng với S và G, trong quá trình đi cùng đó thì Cường và L1 đều không biết việc G đã thực hiện hành vi trộm cắp của người khác và bị cáo G cũng không đưa tiền cho L1 và Cường.

Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Cường và L1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Đối với Nguyễn Thị Thu Vân, là nhân viên của tiệm vàng K, khi bị cáo G đưa tiền cho Vân để mua 01 sợi dây đeo tay bằng vàng trị giá 7.884.000đ thì chị Vân không biết nguồn gốc tiền do bị cáo G trộm cắp mà có, nên hành vi của Vân không cấu thành tội phạm.

[9] Đối với người thanh niên không rõ lai lịch mà bị cáo G quen biết qua mạng xã hội Facebook đã đi cùng bị cáo đến quán ăn tại địa bàn xã NH, Thành phố Quảng Ngãi. Quá trình điều tra không xác định được lai lịch, khi nào xác minh được sẽ xem xét xử lý sau.

[10] **Về dân sự:** Bị hại đã nhận bồi thường xong, không yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 50.120.000đ thu giữ trong người bị cáo G khi bị phát hiện vào ngày 16/9/2020; số tiền 7.884.000đ do ông Trần Long A1 (Chủ tiệm vàng K) giao nộp; số tiền 1.730.000đ do Nguyễn Cao Thái S tự nguyện giao nộp; số tiền 2.400.000đ do A Thị Mỹ L giao nộp; tổng cộng là 62.134.000đ. Đây là số tiền bị cáo G trộm cắp tại nhà bà Võ Thị Đ vào ngày 16/9/2020, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã tiến hành trả lại cho bà Đ là đúng quy định của pháp luật.

- Bị cáo G đã đưa cho Nguyễn Cao Thái S số tiền 3.000.000đ S tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện 1.730.000đ; S đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết 1.270.000đ đối với số tiền này bị cáo G không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 dây đeo tay bằng vàng và 01 USB là tài sản của ông Trần Long A1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã trả lại cho ông A1 theo quy định.

- Đối với 01 balo bằng da màu cam; 01 ví cầm tay bằng da màu xanh; 01 áo khoát màu vàng có mũ; 01 điện thoại màn hình cảm ứng hiệu IteL là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị cáo theo quy định.

- Đối với 01 (một) áo khoát bằng vải, dài tay, màu đen, có mũ; 01 (một) thẻ cào điện thoại mệnh giá 500.000 đồng đã cào phần mã số; 01 (một) vali màu vàng; 01 (một) quần jean dài, màu xám; 01 (một) quần jean dài màu xanh; 02 (hai) quần tây, màu đen; 01 (một) áo sơ mi trắng dài tay; 01 (một) áo sơ mi dài tay, màu đen; 02 (hai) bộ quần áo ngắn tay, quần đùi; 02 (hai) áo thun nữ ngắn tay; 03 (ba) quần lót nam; 01 (một) dây thắt lưng nữ, màu đen. Đây là tài sản do Đặng Thị Ngọc G mua vào ngày 16/9/2020 từ tiền trộm cắp. Toàn bộ tài sản này là do bị cáo G mua vào ngày 16/9/2020 từ tiền trộm cắp. Tuy nhiên, bị cáo G và cùng gia đình đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bà Đ xong. Do đó, cần trả lại toàn bộ tài sản này cho bị cáo.

- Đối với 01 bao ni lông màu đen đã qua sử dụng bị rách, đây là bao ni lông bà Đ dùng để chứa đựng số tiền 72.500.000đ vào ngày 16/9/2020 có giá trị sử dụng thấp, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, của người bào chữa cho bị cáo phù hợp với nhận định trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về án phí: Bị cáo Đặng Thị Ngọc G phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c Khoản 2, Điều 173; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Tuyên bố: Bị cáo **Đặng Thị Ngọc G** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2- Xử phạt bị cáo **Đặng Thị Ngọc G** 1 (Một) năm 6 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 3 (Ba) năm kể từ ngày tuyên án ngày 28/01/2021.

Giao bị cáo Đặng Thị Ngọc G cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3- Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Đặng Thị Ngọc G: 01 (một) áo khoát bằng vải, dài tay, màu đen, có mũ; 01 (một) thẻ cào điện thoại mệnh giá 500.000 đồng đã cào phần mã số; 01 (một) vali màu vàng; 01 (một) quần jean dài, màu xám; 01 (một) quần jean dài màu xanh; 02 (hai) quần tây, màu đen; 01 (một) áo sơ mi trắng dài tay; 01 (một) áo sơ mi dài tay, màu đen; 02 (hai) bộ quần áo ngắn tay, quần đùi; 02 (hai) áo thun nữ ngắn tay; 03 (ba) quần lót nam; 01 (một) dây thắt lưng nữ, màu đen.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bao nilong màu đen bị rách, đã qua sử dụng.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

4- Về án phí: Buộc bị cáo Đặng Thị Ngọc G phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa, người bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án hoặc quyết định có liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối

với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Q;
- Công an huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thi Thơ